

## **HIỆN TRẠNG NGHỀ NUÔI NGAO Ở MỘT SỐ TỈNH VEN BIỂN MIỀN BẮC VÀ BẮC TRUNG BỘ, VIỆT NAM**

**Bùi Đắc Thuyết\*, Trần Văn Dũng**

*Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản 1, Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh*

*Email\*: buidacthuyet@ria1.org*

Ngày gửi bài: 26.07.2013 Ngày chấp nhận: 22.10.2013

### **TÓM TẮT**

Nghề nuôi ngao ở một số tỉnh ven biển miền Bắc và Bắc Trung bộ có những bước phát triển mạnh mẽ trong những năm qua, đã mang lại nguồn thu lớn cho nhiều nông hộ, góp phần phát triển kinh tế xã hội ở nhiều địa phương. Tuy nhiên, nhiều hộ nuôi ngao hiện nay đang gặp phải những khó khăn do thường xuyên xảy ra hiện tượng ngao nuôi bị chết hàng loạt, thiếu vốn đầu tư và thị trường tiêu thụ không ổn định. Do vậy, nghiên cứu này đánh giá hiện trạng nghề nuôi ngao ở một số tỉnh ven biển miền Bắc và Bắc Trung bộ làm cơ sở cho việc xây dựng những giải pháp quản lý và kỹ thuật nhằm phát triển ổn định nghề nuôi ngao ở đây. Kết quả điều tra cho thấy Thái Bình có diện tích và sản lượng ngao nuôi lớn nhất (1.984ha, 30.130 tấn) tiếp theo là Nam Định (1.708ha, 20.015 tấn), Thanh Hóa (960ha, 7.700 tấn), Quảng Ninh (1.271ha, 5.123 tấn), và Hà Tĩnh có diện tích nuôi và sản lượng thấp nhất trong các tỉnh điều tra (200ha, 2800 tấn). Có 84,1% số hộ điều tra ghi nhận đã gặp ít nhất 1 lần ngao nuôi bị chết hàng loạt (có tỷ lệ chết >30%) và chỉ 15,9% số hộ chưa lần nào bị ngao nuôi chết hàng loạt. Hiện tượng ngao nuôi bị chết hàng loạt thường xảy ra từ tháng 2 đến tháng 5 hàng năm, những tháng khác trong năm vẫn có hiện tượng này nhưng ít xảy ra hơn. Đa số các hộ nuôi cho rằng sự thay đổi về nhiệt độ (30,5% số trả lời), độ mặn (14,3% số trả lời), chất lượng nước kém (24,8% số trả lời) là những nguyên nhân chủ yếu gây ra hiện tượng ngao chết hàng loạt ở nhiều địa phương trong thời gian qua. Thiếu vốn đầu tư và thị trường tiêu thụ không ổn định là những khó khăn mà đa số các hộ nuôi ngao hiện tại gặp phải và đề nghị được nhà nước quan tâm hỗ trợ.

Từ khóa: Ngao chết, nuôi ngao ven biển.

### **Status of Hard Clam Farming in Some Coastal Provinces of North and Northern Central Vietnam**

#### **ABSTRACT**

Hard clam farming in coastal provinces of North and Northern Central Vietnam has notably developed since last decade and this activity generates high income source for farmers, improving socio-economic development of many local communities. However, many farms are facing with difficulties due to frequent occurrence of massive death of cultured clam, lack of capital and unstable market for clam product. This study, therefore, investigated status of hard clam farming in some coastal provinces of North and Northern Central Vietnam in order to provide basic information for building technical and management solutions, contributing to stable development of hard clam farming in Vietnam. The results showed that Thai Binh province has the highest hard clam farming areas as well as clam production (1,984 ha, 30,130 tons), followed by Nam Dinh (1,271 ha, 5,123 tons), Thanh Hoa (960 ha, 7,700 tons), Quang Ninh (1,271 ha, 5,123 tons), and Ha Tinh (200 ha, 2,800 tons). About 84.1% surveyed farmers reported that their farms had at least one time of massive death of cultured clam and only 15.9% surveyed farms did not suffer with massive hard clam death. Even though the massive death of cultured clam may happen at any time, it usually occurs from February to May each year. Most of surveyed farmers supposed that changes in temperature, salinity and the decline of water quality were the main reasons for massive hard clam death in recent years. Lack of capital and unstable market are main constraints that most farms encounter with and require support from the government.

Keywords: Hard clam farming, massive hard clam death.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghề nuôi ngao ven biển nước ta đã có những bước phát triển mạnh mẽ về diện tích, sản lượng nuôi cũng như mức độ thâm canh trong những năm qua. Theo báo cáo của Vụ Nuôi trồng Thủy sản (2011), tổng diện tích nuôi ngao của cả nước năm 2010 là hơn 15.000ha, đạt sản lượng trên 85.000 tấn, trong đó xuất khẩu được 19.000 tấn với giá trị xuất khẩu khoảng 40 triệu đô la Mỹ. Trong định hướng phát triển nuôi nhuyễn thể hàng hóa tập trung đến năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT), diện tích nuôi ngao đến năm 2015 là 26.040 ha và đến năm 2020 là 32.960 ha; sản lượng ngao thu được năm 2015 dự kiến là 330.000 tấn và đến năm 2020 dự kiến thu được là 430.700 tấn (Bộ NN&PTNT, 2011).

Mặc dù nuôi ngao đã mang lại nguồn thu lớn, không chỉ góp phần cải thiện sinh kế cho cộng đồng cư dân nghèo và thúc đẩy phát triển kinh tế cho các địa phương vùng ven biển, nghề nuôi ngao đang gặp phải những khó khăn trong một vài năm gần đây từ việc ngao nuôi bị chết hàng loạt tại một số địa phương như Thái Bình, Nam Định, Thanh Hóa, Hà Tĩnh... Nhiều nông hộ gặp khó khăn về nguồn vốn để tiếp tục đầu tư vào nuôi ngao sau nhiều lần nuôi bị thất bại. Thị trường tiêu thụ ngao thương phẩm không ổn định. Các vấn đề này đã và đang làm ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của nghề nuôi ngao ở nước ta.

Do vậy, nghiên cứu đánh giá hiện trạng nghề nuôi ngao ven biển miền Bắc và Bắc Trung bộ (B&BTB), Việt Nam, đặc biệt tập trung vào thu thập và phân tích các thông tin như diện tích và sản lượng nuôi tại các địa phương, hình thức và quy mô nuôi, hiện tượng ngao chết trong những năm qua, các nhận định chủ quan về nguyên nhân gây chết cũng như các biện pháp quản lý của nông hộ là hết sức cần thiết, làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp kỹ thuật và quản lý, góp phần ổn định nghề nuôi ngao ven biển miền B&BTB.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành tại 5 tỉnh Quảng Ninh, Thái Bình, Nam Định, Thanh

Hóa, Hà Tĩnh trong khoảng thời gian từ tháng 9-12/2012.

### 2.2. Phương pháp thu thập thông tin, số liệu

*Số liệu sơ cấp:* Dựa vào bộ câu hỏi đã chuẩn bị sẵn để thu thập các thông tin, số liệu liên quan đến tình hình nuôi ngao của các nông hộ. Bộ câu hỏi được xây dựng và điều tra thử tại một số hộ nuôi ngao, sau đó chỉnh sửa, bổ sung trước khi tiến hành điều tra chính thức. Các thông tin cần thu thập và phân tích chính bao gồm hình thức và quy mô nuôi, hiện tượng ngao chết trong những năm qua, thời gian thường xảy ra hiện tượng ngao chết, các nhận định chủ quan về nguyên nhân gây chết cũng như các biện pháp quản lý. Việc lựa chọn các hộ tham gia phỏng vấn (khoảng 50 hộ/tỉnh) là ngẫu nhiên, dựa vào danh sách các hộ nuôi ngao do các cơ quan, cán bộ địa phương cung cấp.

*Số liệu thứ cấp:* Dựa vào các báo cáo, số liệu thu thập từ các cơ quan địa phương như Chi cục Nuôi Thủy sản, Phòng NN&PTNT của các huyện để thu thập thông tin chung về tình hình nuôi ngao ở các địa phương.

### 2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu thu thập được từ các phiếu điều tra, từ các cơ quan địa phương được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS 17.0 và Excel 2010 theo phương pháp thống kê mô tả.

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

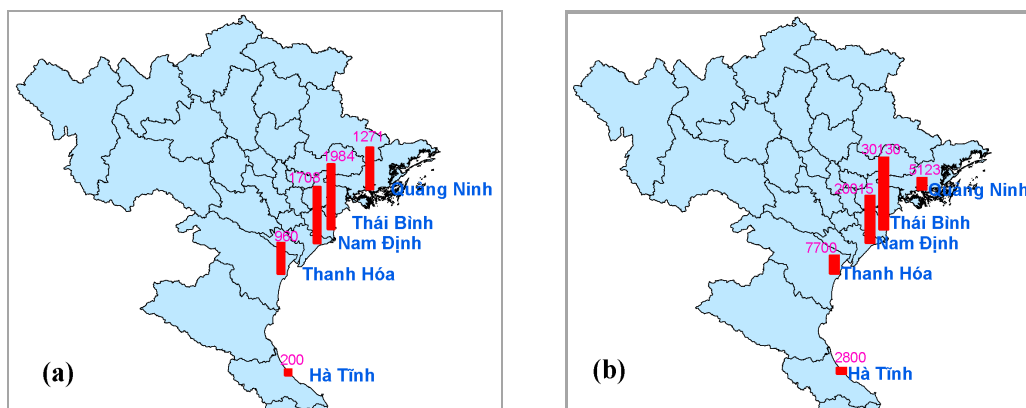
### 3.1. Diện tích và sản lượng ngao nuôi

Kết quả nghiên cứu cho thấy Thái Bình có diện tích và sản lượng ngao nuôi lớn nhất miền B&BTB (1.984ha, 30.130 tấn), tiếp theo là các tỉnh Nam Định (1.708ha, 20.015 tấn), Thanh Hóa (960ha, 7.700 tấn), Quảng Ninh (1.271ha, 5.123 tấn). Hà Tĩnh có diện tích nuôi và sản lượng thấp nhất trong các tỉnh điều tra (200ha, 2800 tấn) (Hình 1a,b).

### 3.2. Loài ngao nuôi

Kết quả điều tra cho thấy, hiện nay phần lớn các địa phương đều nuôi ngao Trắng hay ngao Bền Tre (*Meretrix lyrata*). Một số nông hộ còn thả nuôi loài ngao Dầu (*Meretrix meretrix*), đặc biệt là ở tỉnh Quảng Ninh với hầu hết các hộ nuôi hiện nay thả nuôi ngao Dầu.

Hiện trạng nghề nuôi ngao ở một số tỉnh ven biển miền Bắc và Bắc trung Bộ, Việt Nam



**Hình 1. Diện tích (ha)(a) và sản lượng (tấn), (b) ngao nuôi ở một số tỉnh ven biển miền B&BTB**

(Nguồn: Số liệu được tổng hợp từ báo cáo tổng kết năm 2011 của Chi cục NTTS, Sở NN&PTNT của các tỉnh điều tra)

Hiện nay, Trạm Khuyến nông huyện Vân Đồn, Quảng Ninh còn thả nuôi thử nghiệm thêm loài ngao Hoa (*Paphia undulate*). Đây là đối tượng nuôi mới, có giá trị kinh tế cao, thời gian nuôi ngắn và có khả năng thích ứng tốt với môi trường vùng nuôi (Trọng Khang, 2011). Tuy nhiên, đối tượng này vẫn đang còn nuôi thử nghiệm và chưa được nuôi đại trà tại các địa phương.

### 3.3. Tình hình nuôi và quản lý các vây ngao nuôi của các nông hộ

#### 3.3.1. Diện tích, vị trí vây nuôi, năng xuất, sản lượng

Do đặc điểm của nghề nuôi ngao ở miền B&BTB chủ yếu do các nông hộ quản lý nên diện tích của các bãi nuôi ngao thường nhỏ. Kết quả điều tra cho thấy diện tích nuôi ngao trung bình của các hộ là 3,5 ha (dao động từ 0,2-45,0

ha). Các địa phương có số hộ nuôi ngao nhiều như Nam Định, Thái Bình, tuy nhiên diện tích nuôi ngao của các hộ thường rất bé, có những hộ nuôi trên diện tích khoảng 0,2-0,3ha (Bảng 1).

Kết quả điều tra cũng cho thấy diện tích nuôi ngao của các nông hộ thường ít thay đổi (60,2% số hộ điều tra). Có 28,0% số hộ điều tra với diện tích nuôi hiện tại nhiều hơn so với lúc bắt đầu tham gia nuôi ngao và chỉ có 11,8% số hộ giảm diện tích nuôi do gặp phải những khó khăn trong quá trình nuôi. Hai tỉnh Nam Định và Thái Bình có sự biến động nhiều nhất về diện tích ngao nuôi của các nông hộ tính từ khi bắt đầu tham gia nuôi ngao cho đến năm 2012. Nhìn chung, số hộ tăng diện tích nuôi nhiều hơn số hộ giảm diện tích nuôi và điều này cũng phù hợp với thực tế tổng diện tích nuôi ngao của các tỉnh tăng nhiều trong những năm qua

**Bảng 1. Diện tích nuôi ngao của các nông hộ ở một số tỉnh ven biển miền B&BTB**

Địa phương	Diện tích nuôi của nông hộ (ha)		
	Thấp nhất	Cao nhất	Trung bình
Quảng Ninh	1,00	4,00	2,09 ± 0,08
Thái Bình	0,18	11,00	2,60 ± 0,34
Nam Định	0,30	45,00	6,86 ± 1,24
Thanh Hóa	0,50	8,00	2,16 ± 0,23
Hà Tĩnh	0,60	20,00	3,36 ± 0,58

Sản lượng ngao thương phẩm thu được ở các nông hộ dao động từ 0,6-1000 tấn/năm và năng suất đạt 0,6-150 tấn/ha (năm 2011) (Bảng 2). Sản lượng và năng suất ngao thương phẩm của các nông hộ ở Thái Bình và Nam Định là cao nhất, với sản lượng trung bình của mỗi nông hộ từ 137,5-144,7 tấn/năm và năng suất trung bình đạt 48,4-59,1 tấn/ha. Các hộ nuôi ngao ở Quảng Ninh có sản lượng và năng suất ngao nuôi thấp nhất trong các tỉnh điều tra (Bảng 2).

Đa phần các hộ nuôi ngao (78,4% số hộ điều tra) chỉ nuôi ngao tại 1 điểm nuôi. Tuy nhiên, một số hộ, đặc biệt ở Nam Định, Thái Bình và Hà Tĩnh, có 2 hoặc 3 điểm nuôi khác nhau. Ví dụ, ở Nam Định, 28,3% số hộ điều tra có 2 vây nuôi ở các địa điểm khác nhau, 30,2% số hộ điều tra có 3 vây nuôi ở các địa điểm khác nhau. Hầu hết các vây nuôi ngao nằm trong vùng quy hoạch (82,7%), chỉ có 17,3% số vây nuôi không nằm trong vùng quy hoạch, chủ yếu tập trung tại Thanh Hóa và Hà Tĩnh. Tuy nhiên, đa số các vây nuôi (80,5%) không được chứng nhận thuộc vùng nuôi sạch. Đây cũng là điểm đáng quan tâm về việc đảm bảo an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc phục vụ mục đích xuất khẩu theo yêu cầu của các thị trường quốc tế.

Kết quả điều tra cũng cho thấy, phần lớn các vây nuôi ngao (67,5%) nằm ở vùng trung triều, 17,6% số vây nuôi nằm ở vùng cao triều,

10,6% số vây nuôi nằm ở vùng hạ triều và 4,3% số vây nuôi nằm ở vùng triều giới, luôn ngập nước. Hai tỉnh Thái Bình và Hà Tĩnh có số vây nuôi thuộc vùng cao triều nhiều nhất (thuộc 46% số hộ điều tra ở Thái Bình và 44% số hộ điều tra ở Hà Tĩnh). Thời gian phơi bãi tại các vây nuôi thuộc vùng cao triều có thể kéo dài đến 14-15 tiếng/ngày. Như vậy, các vây nuôi ở vùng cao triều sẽ gặp khó khăn, đặc biệt là vào mùa hè thời gian phơi bãi quá dài, nắng nóng sẽ làm ảnh hưởng tới ngao nuôi.

### 3.3.2. Hoạt động ương nuôi ngao và nguồn giống

Kết quả điều tra cho thấy, phần lớn các nông hộ (54,5%) chỉ nuôi ngao thương phẩm. Có 41,1% số hộ điều tra có kết hợp cả nuôi ngao thương phẩm và ương nuôi ngao giống và 4,5% số hộ chỉ nuôi ngao giống (Bảng 3). Hình thức chỉ ương ngao giống, bán hoặc để chuyển sang nuôi ngao thương phẩm chủ yếu tập trung ở Thái Bình, Nam Định và Thanh Hóa. Đặc biệt, đa phần các hộ nuôi ở Nam Định (90,6%) là kết hợp ương nuôi từ con giống (ở nhiều dạng kích cỡ khác nhau như từ sọt tóc, hạt tằm, đến khay áo) đến ngao thương phẩm. Ngược lại, ở Quảng Ninh và Hà Tĩnh, hầu hết các nông hộ ở đây chỉ nuôi ngao thương phẩm.

**Bảng 2. Sản lượng và năng suất ngao thương phẩm của các nông hộ ở một số tỉnh ven biển miền B&BTB**

Địa phương	Sản lượng (tấn/năm)			Năng suất (tấn/ha)		
	Thấp nhất	Cao nhất	Trung bình	Thấp nhất	Cao nhất	Trung bình
Quảng Ninh	<b>0,6</b>	60,0	9,2 ± 1,8	<b>0,6</b>	45,0	4,7 ± 1,1
Thái Bình	30,0	700,0	137,5 ± 20,5	34,0	<b>150,0</b>	59,1 ± 3,3
Nam Định	10,0	<b>1000,0</b>	144,7 ± 20,5	8,7	77,0	48,4 ± 1,7
Thanh Hóa	3,5	200,0	46,5 ± 5,5	1,0	60,0	24,7 ± 1,5
Hà Tĩnh	2,5	250,0	35,7 ± 7,2	1,2	35,7	11,8 ± 1,0

**Bảng 3. Hoạt động ương, nuôi ngao của các nông hộ ven biển miền B&BTB**

Hoạt động ương, nuôi ngao	Quảng Ninh	Thái Bình	Nam Định	Thanh Hóa	Hà Tĩnh	Tính chung
Chỉ ương ngao giống (% số hộ)	0,0	14,0	3,8	2,1	2,0	4,4
Chỉ nuôi ngao thương phẩm (% số hộ)	100,0	38,0	5,6	41,7	94,0	<b>54,5</b>
Kết hợp cả ương ngao giống và nuôi thương phẩm (% số hộ)	0,0	48,0	90,6	56,2	4,0	<b>41,1</b>

**Bảng 4. Mật độ ngao nuôi thương phẩm của các nông hộ ở một số tỉnh ven biển miền B&BTB**

Địa phương	Mật độ ngao nuôi thương phẩm (con/m <sup>2</sup> )		
	Thấp nhất	Cao nhất	Trung bình
Quảng Ninh	5	94	25 ± 4
Thái Bình	200	1000	558 ± 30
Nam Định	80	900	493 ± 25
Thanh Hóa	100	1100	600 ± 85
Hà Tĩnh	40	300	157 ± 20

Về nguồn giống, đa số các hộ nuôi mua giống từ thương lái (81,9%), có 13,4% số hộ mua giống trực tiếp từ các trại sản xuất giống, chỉ có 4,7% số hộ thu gom giống từ tự nhiên. Các hộ thu gom giống tự nhiên chủ yếu tập trung ở Quảng Ninh, các hộ mua giống trực tiếp từ các trại sản xuất giống chủ yếu ở hai tỉnh Thái Bình và Nam Định.

Mật độ ngao nuôi thương phẩm ở các nông hộ cũng khá khác nhau ở các địa phương. Các hộ nuôi ở Quảng Ninh có hình thức nuôi kiểu quảng canh, thu gom giống từ tự nhiên, thả nuôi với mật độ khá thấp, khoảng từ 5-94 con/m<sup>2</sup>, trung bình 25 con/m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, ở các tỉnh Thái Bình, Nam Định và Thanh Hóa, các hộ nuôi thả với mật độ khá cao, trung bình từ 493-600 con/m<sup>2</sup> và có những hộ thả nuôi với mật độ tới 1.100 con/m<sup>2</sup> (cỡ ngao giống khoảng 2000 con/kg) (Bảng 4). Việc nuôi với mật độ cao đã và đang làm kéo dài thời gian nuôi tới khoảng 24-28 tháng theo như ghi nhận từ các nông hộ, đây cũng có thể là một trong những nguyên nhân gây ra hiện tượng ngao chết ở một số nông hộ như thảo luận ở phần sau.

### 3.3.3. Thị trường tiêu thụ và thu nhập từ nuôi ngao

Ngao thương phẩm chủ yếu được bán cho thương lái (90,2% số hộ điều tra), chỉ một phần rất ít được các hộ nuôi bán lẻ (7,8%) hay bán trực tiếp cho nhà máy chế biến (2,0%). Kết quả điều tra cũng cho thấy chỉ một số nông hộ ở 2 tỉnh Nam Định và Thanh Hóa bán trực tiếp ngao thương phẩm cho các nhà máy chế biến.

Lợi nhuận thu từ nuôi ngao cũng khá khác nhau, hầu hết các nông hộ không nhớ chính xác hay ghi chép chi tiết được những chi tiêu, doanh thu và lợi nhuận. Theo ước tính của các nông hộ điều tra, có hộ nuôi đã lỗ nhiều nhất tới gần 700 triệu (Quảng Ninh) và có hộ đã lãi khoảng 12 tỷ (Nam Định).

Thu nhập từ nghề nuôi ngao chiếm từ 10-100% trong cơ cấu kinh tế của các nông hộ. Tuy nhiên, mức trung bình thu nhập từ nuôi ngao chiếm 80,1% từ tổng thu nhập của các nông hộ có tham gia nuôi ngao ở các tỉnh điều tra.

### 3.3.4. Kinh nghiệm ương nuôi ngao, khó khăn và kiến nghị

Các hộ nuôi ngao ở các tỉnh ven biển miền B&BTB có số năm kinh nghiệm nuôi ngao trung bình khoảng 9 năm và có những hộ đã có 24 năm kinh nghiệm nuôi ngao như ở Nam Định. Nhìn chung, các hộ ở Nam Định có số năm kinh nghiệm nuôi ngao (khoảng 14-15 năm) nhiều hơn so với các hộ ở các tỉnh khác. Đa số các hộ nuôi ngao tự học hỏi kinh nghiệm về kỹ thuật ương nuôi ngao (81,7% số trả lời), có rất ít các hộ được tham gia các lớp tập huấn kỹ thuật (18,3% số trả lời).

Khó khăn hiện tại của hầu hết các hộ nuôi ngao hiện nay chủ yếu là vốn (89,0% số hộ điều tra). Ngoài ra, thị trường tiêu thụ kém cũng là một trong những khó khăn lớn của các hộ nuôi ngao (68,3% số hộ điều tra). Mặc dù hầu hết các hộ nuôi ngao theo kinh nghiệm tự học hỏi, hạn chế về kỹ thuật ương nuôi, tuy nhiên đây không phải là khó khăn lớn, chỉ chiếm 27,2% số hộ điều tra (Bảng 5). Các hộ gặp khó khăn về kỹ thuật ương nuôi chủ yếu tập trung ở hai tỉnh Quảng Ninh (73,3% số hộ điều tra), Thanh Hóa (35,4% số hộ điều tra).

Về dự định hoạt động ương nuôi ngao, đa số các hộ nuôi ngao dự kiến sẽ tiếp tục hoạt động ương nuôi ngao bình thường trên diện tích hiện có (76,4% số hộ điều tra). Có 22,0% số hộ điều tra cho thấy muốn tăng thêm diện tích ương nuôi ngao, chỉ có 1,6% số hộ muốn giảm diện tích ương nuôi ngao do gặp những khó khăn trong quá trình ương nuôi. Như vậy, mặc

**Bảng 5. Khó khăn hiện tại trong hoạt động ương nuôi ngao của các nông hộ ở các tỉnh ven biển miền B&BTB**

Khó khăn	Số trả lời	Tỷ lệ% trên tổng số trả lời	Tỷ lệ% trên tổng số hộ điều tra (n=246)
Thiếu vốn	219	36,9	<b>89,0</b>
Hạn chế về kỹ thuật	67	11,3	<b>27,2</b>
Nguồn giống không đảm bảo	49	8,2	19,9
Thường xuyên xảy ra ngao chết	38	6,4	15,4
Thị trường tiêu thụ kém	168	28,3	<b>68,3</b>
Thiếu lao động	9	1,5	3,7
Khó khăn khác	44	7,4	17,9

**Bảng 6. Đề xuất, kiến nghị của các hộ nuôi ngao ở các tỉnh ven biển miền B&BTB**

Đề xuất, kiến nghị	Số trả lời	Tỷ lệ% trên tổng số trả lời	Tỷ lệ% trên tổng số hộ điều tra (n=246)
Hỗ trợ vốn	220	36,4	<b>89,4</b>
Hỗ trợ kỹ thuật	68	11,2	27,6
Hỗ trợ kiểm soát nguồn giống đảm bảo	53	8,8	21,5
Hỗ trợ quan trắc môi trường	65	10,7	26,4
Hỗ trợ tìm thị trường tiêu thụ	173	28,6	<b>70,3</b>
Hỗ trợ khác	26	4,3	10,6

dù gặp những khó khăn, đặc biệt là hiện tượng ngao nuôi bị chết hàng loạt trong thời gian qua, nghề nuôi ngao vẫn thu hút được sự đầu tư, phát triển của người dân.

Kết quả điều tra cũng cho thấy đa số các hộ nuôi ngao kiến nghị được nhà nước hỗ trợ cho vay vốn đầu tư (89,4% số hộ điều tra), hỗ trợ tìm thị trường tiêu thụ (70,3% số hộ điều tra). Các nông hộ cũng đề nghị được hỗ trợ về kỹ thuật ương nuôi ngao (27,6% số hộ điều tra), hỗ trợ trong việc quan trắc môi trường vùng nuôi (26,4% số hộ điều tra) (Bảng 6).

### 3.4. Tình hình ngao chết ở các nông hộ

#### 3.4.1. Xảy ra ngao nuôi chết hàng loạt và số lần ngao nuôi bị chết

Nghề nuôi ngao ở nước ta trong những năm gần đây gặp không ít những khó khăn do hiện tượng ngao chết thường xuyên xảy ra ở một số địa phương. Kết quả điều tra cho thấy 84,1% số nông hộ được điều tra (trên tổng 246 hộ) có ít nhất 1 lần ngao bị chết hàng loạt (tỷ lệ chết

>30%) trong những năm vừa qua, chỉ có 15,9% số hộ nuôi ngao chưa gặp phải hiện tượng ngao nuôi chết hàng loạt trong quá trình nuôi. Số lần ngao nuôi bị chết hàng loạt ở các nông hộ thường là 1-2 lần. Các nông hộ gặp phải hiện tượng ngao chết hàng loạt 4-5 lần là rất ít (0,4-2,0%) (Bảng 7). Khi xảy ra hiện tượng ngao chết, hầu hết các kích cỡ từ dạng ngao giống vừa thả cho đến kích cỡ lớn sắp thu hoạch đều bị chết. Tỷ lệ ngao nuôi chết ở các nông hộ thường từ 60-80%, thậm chí có nhiều hộ ngao nuôi chết lên tới 100%.

Hiện tượng ngao chết hàng loạt thường xảy ra trên diện rộng (cho cả một vùng nuôi ngao), nghĩa là có nhiều hộ trong cùng một khu vực xảy ra hiện tượng ngao chết cùng một lúc. Tuy nhiên, cũng có hiện tượng ngao chết hàng loạt ở một vây nuôi trong khi những vây xung quanh lại không bị chết hoặc chết rất ít (12,6% số hộ ghi nhận vây nuôi ngao của họ bị chết nhưng những vây giáp xung quanh không bị chết hoặc chết rất ít). Kết quả này cũng được đánh giá qua kiểm tra thực tế tại các bãi ngao nuôi tại

**Bảng 7. Số lần xảy ra hiện tượng ngao chết hàng loạt tại các nông hộ ở các tỉnh ven biển miền B&BTB**

Số lần bị ngao chết	Số hộ (n = 246)	Tỷ lệ%
0	39	15,9
1	130	52,8
2	60	24,4
3	11	4,5
4	5	2,0
5	1	0,4

Tiên Hải, Thái Bình tháng 4 năm 2012, khi một số vây nuôi có hiện tượng ngao chết nhưng những vây nuôi giáp xung quanh không bị chết hoặc chết rất ít. Điều này cho thấy kỹ thuật và cách quản lý như việc nuôi với mật độ quá dày ở một số hộ nuôi cũng là nguyên nhân gây chết ngao nuôi.

### 3.4.2. Tháng thường xảy ra ngao chết và thời gian chết kéo dài của mỗi đợt

Kết quả điều tra cho thấy, hiện tượng ngao chết hàng loạt ở các bãi nuôi ngao thường xảy ra ở hầu hết các tháng trong năm, tuy nhiên vào tháng 2 đến tháng 5 hàng năm, mật độ xảy ra hiện tượng ngao chết cao hơn (Bảng 8). Thời gian ngao chết kéo dài của mỗi đợt cũng khác nhau ở các hộ nuôi cũng như các vùng khác nhau. Qua điều tra cho thấy, thời gian chết kéo dài của mỗi đợt khoảng 20-30 ngày. Tuy nhiên, có những hộ được phỏng vấn cho biết có những vây ngao nuôi chết với số lượng lớn xảy ra khá nhanh, trong vòng 3-7 ngày, sau đó tiếp tục chết rải rác kéo dài tới 1-2 tháng, thậm chí có khi tới 3-4 tháng.

### 3.4.3. Nhận định chủ quan về nguyên nhân gây chết

Theo đánh giá chủ quan từ các chủ hộ nuôi ngao, nguyên nhân gây chết ngao nuôi tập trung vào 3 nguyên nhân chính là chất lượng nước kém, nhiệt độ và độ mặn. Nhiệt độ (nắng nóng, rét đậm kéo dài, thay đổi nhiệt độ đột ngột... ) là yếu tố nhiều nông hộ cho rằng dẫn đến hiện tượng ngao nuôi chết (30,5% số trả

lời). Yếu tố nhiệt độ, chất lượng nước kém (24,8% số trả lời) và độ mặn (quá cao, quá thấp, thay đổi đột ngột-với 14,3% số trả lời) cũng được ghi nhận là nguyên nhân dẫn đến ngao chết hàng loạt (Bảng 9). Một số hộ nuôi còn tính tới nguyên nhân khác như thời tiết thay đổi (sương mù, sương muối), lũ lụt phù sa đổ về lấp bãi nuôi.

Mặc dù các hộ nuôi cho rằng mật độ nuôi cao không phải là nguyên nhân gây ngao nuôi chết (Bảng 9). Tuy nhiên, qua kiểm tra thực tế đợt ngao nuôi chết ở Tiên Hải, Thái Bình tháng

**Bảng 8. Hiện tượng ngao chết hàng loạt xảy ra ở miền B&BTB theo các tháng trong năm**

Tháng	Số hộ trả lời có ngao bị chết	Tỷ lệ%
1	20	4,0
2	58	11,6
3	73	14,6
4	58	11,6
5	58	11,6
6	43	8,6
7	30	6,0
8	26	5,2
9	44	8,8
10	21	4,2
11	33	6,6
12	36	7,2

**Bảng 9. Nhận định chủ quan của các nông hộ về nguyên nhân dẫn đến ngao chết hàng loạt ở miền B&BTB**

Nguyên nhân	Số hộ trả lời	Tỷ lệ%
Nhiệt độ	122	<b>30,5</b>
Độ mặn	57	<b>14,3</b>
Thủy triều	4	1,0
Mật độ thả cao	5	1,3
Chất lượng giống kém	13	3,3
Chất lượng nước kém	99	<b>24,8</b>
Tác nhân gây bệnh	25	6,3
Nguyên nhân khác	75	<b>18,8</b>

4 năm 2012 cho thấy, các vây nuôi bị chết có mật độ nuôi khá cao (500-700 con/m<sup>2</sup> với kích cỡ khoảng 100 con/kg), những vây nuôi xung quanh không bị chết hoặc chết với tỉ lệ thấp. Ngoài ra, có những vây nuôi bị chết nhưng những vây nuôi xung quanh không bị chết hoặc tỷ lệ chết rất ít (đã trình bày ở trên). Như vậy, ngoài những yếu tố tự nhiên trong vùng nuôi như nhiệt độ, độ mặn và chất lượng nước, là nguyên nhân gây ngao nuôi chết hàng loạt ở một số địa phương, mật độ nuôi quá dày có thể là nguyên nhân thứ yếu gây nên hiện tượng ngao chết hàng loạt. Khi mật độ ngao nuôi quá cao, chất lượng môi trường suy giảm hoặc thay đổi đột ngột có thể dẫn đến một số ngao nuôi bị chết và khi một số con chết phân hủy, thối rữa làm suy giảm môi trường và gây chết cho những con khác.

#### 4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Tại một số tỉnh ven biển miền B&BTB, diện tích và sản lượng ngao nuôi phần lớn tập trung ở hai tỉnh Thái Bình và Nam Định (chiếm khoảng 60% tổng diện tích và 76% tổng sản lượng ngao nuôi của các tỉnh điều tra). Đối tượng nuôi chủ yếu hiện nay là ngao Trắng (*Meretrix lyrata*). Quy mô nuôi ngao của các nông hộ mang tính nhỏ lẻ, diện tích nuôi trung bình của mỗi nông hộ khoảng 3,5ha và một số hộ có 2-3 điểm nuôi khác nhau. Các vây nuôi ngao chủ yếu nằm ở vùng trung triều và hạ triều. Một số vây nuôi nằm ở vùng cao triều, đặc biệt là ở các tỉnh Thái Bình, Hà Tĩnh, Nam Định. Thời gian phơi bãi quá dài tại các vùng cao triều (có khi tới 14-15 tiếng/ngày) sẽ làm ảnh hưởng tới ngao nuôi, đặc biệt là vào mùa hè. Hầu hết các vây nuôi ngao nằm trong vùng quy hoạch, tuy nhiên chỉ khoảng 20% các vây nuôi thuộc vùng được chứng nhận vùng nuôi sạch.

Có tới 84,1% số hộ điều tra ghi nhận có ít nhất 1 lần ngao nuôi bị chết với số lượng lớn trong 5 năm qua. Hiện tượng ngao chết thường xảy ra ở hầu hết các tháng quanh năm nhưng tập trung chủ yếu nhiều vào tháng 2 đến tháng 5 hàng năm. Đặc điểm chung là ngao chết với số

lượng lớn trong vòng 3-7 ngày và sau đó tiếp tục chết rải rác kéo dài đến 1 tháng. Theo đánh giá chủ quan từ các chủ hộ nuôi ngao, nguyên nhân gây chết ngao nuôi tập trung vào 3 yếu tố là chất lượng nước kém, nhiệt độ và độ mặn. Một số nguyên nhân khác như mật độ nuôi cao, thời tiết thay đổi (sương mù, sương muối), lũ lụt phù sa đổi về lấp bãi nuôi cũng là nguyên nhân gây ra hiện tượng ngao chết.

Qua những kết quả thu được từ việc đánh giá hiện trạng nghề nuôi ngao ở nước ta, một số kiến nghị nhằm ổn định và phát triển nghề nuôi ngao như: Cần tiến hành quan trắc, giám sát môi trường các vùng nuôi ngao, đặc biệt tập trung vào các tháng thường xuyên xảy ra hiện tượng ngao chết; các hộ nuôi nên thu hoạch ngao nếu đã đạt kích cỡ thương phẩm trước mùa thường hay xảy ra hiện tượng ngao chết để tránh thiệt hại kinh tế (qua điều tra cho thấy nhiều hộ nuôi bị ngao chết vào thời điểm sắp thu hoạch, gây thiệt hại kinh tế lớn). Cùng với việc giám sát môi trường các vùng nuôi ngao, việc đăng ký và chứng nhận vùng nuôi sạch sẽ là cơ sở cho việc chế biến, xuất khẩu ngao trên thị trường quốc tế.

#### LỜI CẢM ƠN

Các tác giả xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ từ đề tài “*Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật và quản lý nhằm góp phần ổn định nghề nuôi ngao thương phẩm ở Việt Nam*” của Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản 1, xin cảm ơn các chủ hộ nuôi ngao, Chi cục Nuôi trồng Thủy sản tại các tỉnh Quảng Ninh, Thái Bình, Nam Định, Thanh Hóa, Hà Tĩnh đã cung cấp thông tin để nghiên cứu này được hoàn thiện.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ NN&PTNT (2011). Quyết định phê duyệt Quy hoạch phát triển nuôi nhuyễn thể hàng hóa tập trung đến năm 2020. Quyết định số 1628/QĐ-BNN-TCTS ký ngày 20/07/2011.
- Chi cục Nuôi trồng thủy sản Hà Tĩnh (2011). Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch nuôi trồng thủy sản năm 2011, kế hoạch sản xuất năm 2012.



Hiện trạng nghề nuôi ngao ở một số tỉnh ven biển miền Bắc và Bắc trung Bộ, Việt Nam

- Chi cục Nuôi trồng thủy sản Hà Tĩnh (2010). Báo cáo tình hình thiệt hại thủy sản do nắng nóng kéo dài.
- Chi cục Nuôi trồng thủy sản Quảng Ninh (2011). Báo cáo tổng kết nuôi trồng thủy sản năm 2011.
- Sở NN&PTNT Nam Định (2011). Báo cáo tổng kết công tác nuôi trồng thủy sản năm 2011, triển khai nhiệm vụ phát triển nuôi trồng thủy sản năm 2012.
- Sở NN&PTNT Thái Bình (2011). Báo cáo quy hoạch tổng thể phát triển nuôi ngao vùng ven biển Thái Bình giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến năm 2020.
- Sở NN&PTNT Thanh Hóa (2011). Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2011, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển thủy sản năm 2012.
- Trọng Khang (2011). Nuôi ngao hoa: thể mạnh kinh tế mới ở Vân Đồn, Báo Quảng Ninh, <http://www.baoquangninh.com.vn/kinh-te/201110/Nuoi-ngao-hoa-The-manh-kinh-te-moi-o-Van-don-2151362/> (Thứ 3 ngày 14/10/2011).
- Vụ nuôi trồng Thủy Sản (2011). Báo cáo tình hình sản xuất và dịch bệnh Ngao 2011. Báo cáo phục vụ cuộc họp khẩn cấp về bệnh tôm và bệnh ngao của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, tháng 6/2011.